

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

Bản án số: 45/2021/HS-ST

Ngày 05 - 8-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân.

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Hoàng Long Hính;
Bà Bàn Thị Ba.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quán, Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Âu Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 05/8/2021, tại Phòng xử án hình sự Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 38/2021/TLST-HS ngày 18/6/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐXXST-HS ngày 22/7/2021 đối với bị cáo:

Giàng Mí C1, tên gọi khác: Giàng Nơ C1, sinh ngày 06/12/1986, tại thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thị trấn P, huyện Đ, tỉnh H; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mông; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; bố là ông Giàng Phái S1, sinh năm 1966; mẹ là bà Vàng Thị M1, sinh năm 1966; vợ là chị Thào Thị S2, sinh năm 1986; có 03 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/02/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Cao Xuân B – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Người làm chứng: Vàng Mí S3, Thào Mí P, Thào Sính C2, Thào Mí N, Thào Chá S4; có mặt;

- Người làm chứng: Sùng Mí C3, Sùng Mí C4, Sùng Mí T, Ly Mí C5, Vừ Mí M2; vắng mặt không có lý do.

- Người phiên dịch tiếng Mông: Ông Giàng Xuân H. Địa chỉ: Tổ 02, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018, Giàng Mí C1 đi Trung Quốc làm thuê và quen với 01 người họ Ly (*C1 không biết tên và địa chỉ cụ thể vì ở Trung Quốc thường gọi theo họ*). Đến đầu tháng 3/2020, L gọi điện cho C1 hỏi đợt này có đi sang Trung Quốc làm thuê tiếp không, C1 nói do dịch bệnh Covid-19 nên không đi, L nói không phải lo, L sẽ chuẩn bị xe đến đón, nếu đi thì gọi thêm cho L một vài người, công việc là chặt “tre”, tiền công 4 hào/1 cây, nếu những người lao động đề nghị ứng trước tiền công, thì cứ lấy tiền C1 cho ứng trước, coi như L vay, L sẽ trả lãi khoảng 400 nhân dân tệ (NDT) đến 500 NDT, còn nếu tìm được người, khi nào C1 sang Trung Quốc làm thuê, L trả tiền công cao hơn người lao động khác, ví dụ tiền công chặt “tre” người khác nhận được 4 hào/1 cây, thì C1 nhận được 5 hào/1 cây, còn nếu người khác nhận được 100 NDT/1 ngày, thì L sẽ trả công cho C1 110 NDT/1 ngày, C1 đồng ý. Đến khoảng tháng 3/2020, C1 đến nhà Lù Mí H, sinh năm 1995, trú tại thôn Sảng Pả 2, xã Đ, huyện Y, tỉnh H, để trả cho H tiền công lao động trước kia làm thuê ở Lạng Sơn, tại đây C1 có nói chuyện với nhiều người về việc làm thuê ở Trung Quốc, biết nội dung này, Sùng Mí C3, sinh năm 1990, trú tại thôn Sảng Pả 2, xã Đ, huyện Y đề nghị C1 cho đi Trung Quốc làm thuê cùng và được C1 cho biết công việc ở Trung Quốc là chặt “tre”, tiền công là 4 hào/1 cây, nếu đồng ý đi C1 sẽ cho ứng trước tiền công lao động. Sau khi nói chuyện với C1, C3 nói lại với 03 người là: Sùng Mí C4, sinh năm 2000; Sùng Mí T, sinh năm 1996; Vàng Mí S3, sinh năm 1996, cùng trú tại thôn S, xã Đ, huyện Y về việc đi Trung Quốc làm thuê cùng C1, do đang cần tiền nên 03 người (*Chứ, T, S3*) đồng ý đi cùng. Khoảng 3 đến 4 ngày sau, C1 bảo C3 lên nhà C1 tập trung để đi Trung Quốc làm thuê, C3 nói với Chứ, T, S3, rồi cùng nhau đi lên nhà C1 tại thị trấn P, huyện Đ, tại đây C1 cho mỗi người ứng trước 2.000.000 đồng tiền công lao động, sau đó mọi người ăn, nghỉ lại nhà C1 một ngày một đêm. Cũng trong thời gian này C1 đến nhà Thào Mí P, sinh năm 1998, trú tại xã S, huyện Đ, tỉnh H (*C1 và P quen nhau từ năm 2018, khi đi Trung Quốc làm thuê cùng nhau*), lúc này tại nhà P còn có 03 người khác là Thào Sính C2, sinh năm 1968; Thào Chá S4, sinh năm 1978; Vừ Mí M2, sinh năm 1982, đều trú tại xã S, huyện Đ, tỉnh H, tại đây C1 rủ 04 người này đi Trung Quốc làm thuê với nội dung đi Trung Quốc làm thuê, công việc là chặt cây “tre”, tiền công là 4 hào/1 cây; nghe C1 nói xong, số người trên nói là gia đình hiện đang gặp khó khăn nên đề nghị C1 cho ứng trước tiền công lao động ở Trung Quốc, khi nào đi làm về có tiền thì trả cho C1 sau, C1 đồng ý, rồi cho 05 người gồm: P, C2, Sò, Mạnh, Thào Mí N (*khi C1 đến nhà P rủ đi Trung Quốc làm thuê N không có mặt, nhưng có được P kể lại về việc C1 đến rủ đi Trung Quốc làm thuê nên đến nhận tiền ứng từ C1, mỗi người ứng trước 2.000.000 đồng*), rồi bảo khi nào đi thì sẽ gọi điện thoại thông báo sau. Ngoài ra C1 nói chuyện với Ly Mí Say, sinh năm 1995, trú tại xã S, huyện Đ, tỉnh H (*C1 và Say cũng quen nhau từ năm 2019, khi đi làm thuê cùng nhau*), hỏi Say có muốn đi Trung Quốc làm thuê không, Say trả lời là không, C1 tiếp tục hỏi: “*Thế em trai mày có đi không*” Say trả lời là: “*có, nhưng phải cho ứng trước tiền công lao động thì nó mới đi*”, C1 đồng ý, rồi Say đi đến nhà C1 nhận 1.000 NDT cầm về cho Ly Mí C5, sinh năm 2000 (*em trai Say*).

Sau đó 2 đến 3 ngày sau, C1 gọi điện cho Thào Mí P và Ly Mí C5 thông báo đến nhà C1 để đi sang Trung Quốc làm thuê, P tiếp tục thông báo cho Thào Sính C2, Thào Mí N, Thào Chá S4, Vừ Mí M2. Đến khoảng từ 16 đến 17 giờ cùng ngày, Ly Mí C5 nhờ anh trai là Ly Mí Say chở đến nhà C1 rồi Say đi xe máy về, Thào Mí P chở Thào Chá S4 và Vừ Mí M2; Thào Mí N chở Thào Sính C2, đi đến nhà của C1. Khi đến nơi là vào khoảng 18 đến 19 giờ, đã thấy 04 người ở xã Đ có mặt tại nhà C1. *(Trong số 10 người thì có 04 người ở xã Đ đến nhà C1 từ chiều ngày hôm trước và ăn, nghỉ tại nhà C1, còn 06 người ở xã Sính Lũng đến nhà C1 vào khoảng 18, 19 giờ chiều hôm sau)*. Đến khoảng 01 đến 02 giờ sáng thì C1 bảo đi sang Trung Quốc, C1 nói với mọi người là phải đi vào giờ này để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng, lực lượng Biên phòng của Việt Nam và Trung Quốc. Khi đi C1 nhờ thêm 02 người là Giàng Mí V, trú tại thị trấn P, huyện Đ, tỉnh H *(em trai C1)*, và một người tên là C1 Vàng *(không biết địa chỉ)*, đưa 10 người này đi từ nhà C1 đi qua thị trấn P đến thôn T, xã P *(C1 đi xe chở P và 01 người ở Đường Thượng; N đèo C2 và Chút; Giàng Mí V đèo M2 và 01 người Đường Thượng; C3 đèo S3, còn lại Thào Chá S4 không nhớ đi xe nào)*, rồi để xe máy lại. Sau đó Giàng Mí V và C1 Vàng quay về, còn Giàng Mí C1 đưa 10 người này vượt biên giới sang Trung Quốc, qua khu vực thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang là khu vực tiếp giáp với xóm S, thôn P, trấn Đ, huyện M, châu V, tỉnh V, Trung Quốc. Trên đường đi C1 gọi điện cho L bố trí người đón, rồi C1 chỉ đường cho người lao động đi tiếp đến địa điểm L đón, rồi C1 quay về, chứ C1 không đưa số người trên giao trực tiếp cho Ly. Số người đi lao động được L *(người Trung Quốc)* đón bằng xe ô tô rồi đưa đến nơi lao động, công việc của số người này là đào hố, bón phân, trồng cây, tiền công là 100 NDT/1 ngày. Khi làm được khoảng 3 tháng thì người chủ Trung Quốc có trả cho 06 người ở xã Sính Lũng mỗi người 1.000 NDT, 04 người ở xã Đ, mỗi người 2.000 NDT, rồi người Trung Quốc này gửi về Việt Nam cho C1 để C1 trả cho gia đình 10 người lao động này. Sau khi nhận được tiền, Giàng Mí C1 gọi điện thoại cho chị Giàng Thị Sùng *(vợ của Thào Mí P)* để chị Sùng thông báo cho gia đình 05 người còn lại cùng nhau đến nhà C1 lấy tiền. Khi đi lấy tiền có Thào Mí Say *(đi nhận tiền cho bố là Thào Chá S4)*, Ly Mí Say *(đi nhận tiền cho Ly Mí C5 là em trai)* Giàng Thị Sùng *(đi nhận tiền cho chồng là Thào Mí P)*, Vừ Thị Già *(đi nhận tiền cho chồng là Thào Mí N)*, Thào Thị Máy *(đi nhận tiền cho chồng là Vừ Mí M2)*. Do Thào Mí Say và Ly Mí Say đi đến nhà C1 trước và được Thào Thị S2 *(vợ C1)* đưa cho 6.000 NDT, rồi quay lại đưa cho gia đình 04 người còn lại mỗi người 1.000 NDT, còn 04 người ở xã Đ đến hiện tại chưa nhận được số tiền này. Đến tháng 9/2020, Sùng Mí C3 về Việt Nam trước và được chủ nơi làm việc trả cho 3.000 NDT tiền công lao động, đến khoảng tháng 12/2020 09 người còn lại về Việt Nam sau, nhưng chỉ được chủ người Trung Quốc trả 500 NDT làm chi phí đi đường, không được trả tiền công lao động, vì chủ người Trung Quốc nói: *“C1 bảo không cho trả, mà phải chuyển tiền cho C1 để C1 khác trả vì những người lao động này đều là do C1 tìm được”*. Tại cơ quan điều tra C1 không thừa nhận việc được L gửi tiền công về cho gia đình người lao động, chỉ thừa nhận được Thào Mí P gửi 8.000 NDT về qua một người đàn ông Trung Quốc tên là Dung *(bạn của C1)*, sau đó Dung đưa số tiền này cho một người ở thôn Tả Khà, thị trấn P, huyện Đ, người này tiếp tục đưa cho C1, để C1 trả cho gia đình 06 người ở xã Sính Lũng mỗi người 1.000 NDT, còn lại 2.000 NDT C1 gọi điện cho một người thân

thích của 04 người ở xã Đ, nói đây là tiền đợt trước đó đã vay của C1 trước khi sang Trung Quốc làm thuê nên được khấu trừ luôn vào số tiền này.

Cáo trạng số 11/CT-VKS-P1 ngày 16/6/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Giàng Mí C1 về tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Giàng Mí C1 khai nhận: Trong khoảng thời gian tháng 3 năm 2020 (âm lịch), bị cáo nhận lời từ một người đàn ông họ L (không biết tên, địa chỉ, do bị cáo quen từ năm 2018) với thỏa thuận bị cáo tìm người lao động đưa sang cho L sẽ được hưởng tiền công lao động cao hơn. Bị cáo đã đưa 10 người gồm Sùng Mí C3, Sùng Mí C4, Sùng Mí T, Vàng Mí S3, Ly Mí C5, Thào Mí P, Thào Sính C2, Thào Mí N, Thào Chá S4, Vừ Mí M2 đi qua khu vực thôn T, xã P, huyện Đ vượt biên trái phép sang Trung Quốc là khu vực biên giới tiếp giáp với xóm S, thôn P, trấn Đ, huyện M, châu V, tỉnh V, Trung Quốc. Trên đường đi bị cáo gọi điện cho L bố trí người đón, bị cáo không trực tiếp giao người mà chỉ đường cho 10 người trên đi tiếp sẽ có người đón, còn bị cáo quay về. Bản thân bị cáo không được hưởng đồng tiền nào của từ việc tổ chức cho 10 người Việt Nam sang Trung Quốc từ L gửi về mà chỉ được chi trả hộ tiền công 6.000 NDT cho 06 người ở xã Sính Lũng và 2.000 NDT được khấu trừ tiền vay của 04 người ở xã Đ từ trước. Bị cáo thừa nhận bị cáo có hứa với những người bị cáo đưa đi lao động là bị cáo sẽ đòi hộ tiền công lao động nếu họ không được phía chủ Trung Quốc trả đủ.

Lời khai của những người làm chứng có mặt tại phiên tòa đều khẳng định được C1 đưa sang Trung Quốc để lao động, quá trình đi không làm thủ tục giấy tờ, đều được C1 ứng trước cho 2.000.000đ tiền công lao động trước, C1 có hứa với mọi người nếu sang Trung Quốc lao động không được trả tiền công thì C1 sẽ giúp mọi người đòi tiền công lao động, sau 8 tháng làm việc bên Trung Quốc mỗi người được trả 500NDT, số tiền còn lại phía người chủ Trung Quốc nói sẽ đưa cho C1 để C1 trả cho mọi người nhưng đến nhà C1 đòi không được vì C1 nói phía người chủ Trung Quốc không đưa tiền cho C1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Giàng Mí C1 về tội danh, điều luật như nội dung Cáo trạng, sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị HĐXX:

1. Tuyên bố: Bị cáo Giàng Mí C1 phạm tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 349, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Giàng Mí C1 từ 06 (sáu) năm đến 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 03/02/2021;

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Giàng Mí C1, do bị cáo thuộc đối tượng được miễn án phí.

Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang bào chữa cho bị cáo trình bày: Nhất trí với Cáo trạng, bản luận tội và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang về tội danh, điều luật áp dụng, việc miễn án phí và xử lý vật chứng đối với bị cáo Giàng Mí C1. Tuy nhiên, bị cáo đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, do không có nghề nghiệp ổn định nên dẫn tới phạm tội, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Giàng Mí C1 phạm tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*”; về điều luật áp dụng và mức hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 349, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Giàng Mí C1 05 (năm) năm tù và miễn án phí HSST cho bị cáo.

Trong phần tranh luận: Bị cáo nhất trí lời bào chữa của Luật sư, không tham gia tranh luận gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo Giàng Mí C1 nhận thức được hành vi phạm tội của bị cáo là sai trái, mong Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo, do đó hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, những người làm chứng: Sùng Mí C3, Sùng Mí C4, Sùng Mí T, Ly Mí C5, Vừ Mí M2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Vì tình hình dịch bệnh Covid-19 đang có nhiều diễn biến phức tạp trên khắp các tỉnh, thành phố của cả nước, những người làm chứng vắng mặt đều đã có lời khai được lưu trong hồ sơ vụ án, các lời khai của họ ổn định không mâu thuẫn với lời khai của bị cáo nên việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ vào Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, bị cáo, HĐXX quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Căn cứ định tội và định khung hình phạt đối với bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Giàng Mí C1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với lời khai của những người liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có lưu trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm bị cáo thực hiện tội phạm. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian tháng 3/2020 (âm lịch), bị cáo đã tổ chức đưa 10 người lao

động Việt Nam vượt biên trái phép sang Trung Quốc làm thuê để hưởng tiền công lao động cao hơn. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*” được quy định tại Điều 349 của Bộ luật Hình sự. Với số lượng người và mục đích đưa qua biên giới là 10 người nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ 05 (năm) năm đến 10 (mười) năm tù.

[4] Đánh giá tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo Giàng Mí C1 là rất nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài khi không được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm pháp luật, biết việc xuất khẩu lao động phải do cơ quan, tổ chức được Nhà nước có thẩm quyền cấp phép mới hợp pháp, song vì mục đích thu lợi bất chính, bị cáo đã lợi dụng sự thiếu hiểu biết của công dân vùng sâu vùng xa của xã Đ, huyện Y và xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang, lợi dụng địa hình biên giới phức tạp, sự sơ hở trong công tác quản lý biên giới của các cơ quan chức năng để rủ rê và tổ chức cho 10 công dân người Việt Nam sang Trung Quốc làm thuê là trái quy định. Hành vi phạm tội của bị cáo xâm hại trực tiếp đến hoạt động quản lý Nhà nước về xuất nhập cảnh, quyền tự do cư trú của công dân, do đó cần phải xử lý bị cáo với mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo, đồng thời có ý nghĩa phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; không có tiền án, tiền sự, là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu vùng xa, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, trình độ nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Do đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Đối với người đàn ông họ L (quốc tịch Trung Quốc) là đối tượng chủ mưu, cầm đầu trong việc tổ chức cho người Việt Nam đi sang Trung Quốc; là người đã bảo Giàng Mí C1 về Việt Nam tìm người đưa sang Trung Quốc làm thuê, hiện chưa đủ tài liệu để xác định được nhân thân lai lịch, nên Cơ quan an ninh điều tra không đủ điều kiện để điều tra, xác minh để xử lý hình sự theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

[9] Đối với 10 người vượt biên giới (xuất cảnh trái phép) đi Trung Quốc lao động gồm: Sùng Mí C3, Sùng Mí C4, Sùng Mí T, Vàng Mí S3, Ly Mí C5, Thào Mí P, Thào Sính C2, Thào Mí N, Thào Chá S4, Vừ Mí M2 không có người nào đứng ra rủ rê cùng bị cáo C1 đứng ra tổ chức vượt biên giới đi Trung Quốc và được hưởng lợi ích liên quan. Việc 10 người lao động xuất cảnh trái phép đi Trung Quốc vào tháng 3/2020 (âm lịch), khi họ nhập cảnh trái phép về Việt Nam là tháng 9 và tháng 12/2020, tính đến nay đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính. Vì vậy, Cơ quan

an ninh điều tra không xử lý hình sự và xử phạt vi phạm hành chính đối với các trường hợp này là có căn cứ. Quá trình điều tra, Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Hà Giang đã xác minh về việc những người lao động này có yêu cầu bị cáo Giàng Mí C1 phải trả đủ tiền công cho họ, xét thấy việc giao kết hợp đồng lao động không phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam; những người lao động này sang Trung Quốc làm thuê thuộc lao động bất hợp pháp, không có hợp đồng lao động, cũng như bằng chứng công có giá trị; người sử dụng lao động không phải là Giàng Mí C1, thời gian, địa điểm lao động tại nước ngoài (Trung Quốc), việc giao dịch dân sự dựa trên cơ sở thỏa thuận bằng miệng... Do đó HĐXX không có căn cứ để xem xét.

[10] Đối với Giàng Mí V (*em trai Giàng Mí C1*) sinh năm 2001, trú tại thôn Mỏ Phàng, xã Thượng Phùng, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang và người tên C1 Vàng (*không rõ địa chỉ*) là người được bị cáo Giàng Mí C1 nhờ đưa người từ thị trấn P, huyện Đ đến thôn T, xã P, huyện Đ, bị cáo Giàng Mí C1 khai nhận việc nhờ 02 người này là do tiện đường (*do 02 người này cũng đang có việc đi đến xã P*), nên nhờ chở hộ người đến thôn T, xã P, C1 Vàng và Giàng Mí V không biết số người này đi đâu, làm gì. Ngoài ra số người lao động cũng xác nhận việc khi đến thôn T thì V và C1 Vàng quay về. Quá trình điều tra, xác minh Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Hà Giang đã nhiều lần phối hợp với Công an thị trấn P mời Giàng Mí V đến làm việc nhưng đối tượng không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu, làm gì. Đối với C1 Vàng không có đủ thông tin để xác định danh tính, nhân thân lai lịch, nơi cư trú. Do vậy, đối với Giàng Mí V và C1 Vàng, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục thu thập tài liệu, chứng cứ, để xử lý theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[11] Đối với Thào Thị S2 (*vợ Giàng Mí C1*), quá trình điều tra xác định được Thào Thị S2 là người đưa số tiền 6.000 NDT cho Ly Mí Say và Thào Mí Say để trả cho gia đình 06 người ở xã S, huyện Đ, nhưng là do trong khoảng thời gian này C1 thường xuyên không có mặt ở nhà, nên đưa tiền cho S2 nhờ đưa hộ, Cơ quan điều tra đã nhiều lần mời làm việc, nhưng S2 không có mặt tại địa phương, không lấy được lời khai làm rõ được các tình tiết có liên quan. Do vậy chưa có chứng cứ để chứng minh vai trò đồng phạm của Thào Thị S2 cùng với Giàng Mí C1. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục thu thập tài liệu, chứng cứ, để xử lý theo quy định của pháp luật là có cơ sở.

[12] HĐXX nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang về tội danh, việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đối với bị cáo C1.

[13] Đối với ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Giàng Mí C1 mức hình phạt 05 năm tù. Xét đề nghị của Luật sư là mức khởi điểm của khung hình phạt Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo C1, HĐXX sẽ xem xét khi quyết định hình phạt.

[14] Trách nhiệm dân sự: Không.

[15] Về vật chứng: Không có vật chứng.

[16] Về án phí: Tại phiên tòa Luật sư giao nộp cho Hội đồng xét xử Đơn xin miễn án phí của bị cáo Giàng Mí C1. Xét thấy, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh

sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[17] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Giàng Mí C1 (tên gọi khác: Giàng Nơ C1) phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”.

2. Hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Giàng Mí C1 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (*ngày 03/02/2021*).

3. Trách nhiệm dân sự: Không.

4. Về vật chứng vụ án: Không.

5. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH13 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Giàng Mí C1.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- PA 09, PC 02, PV 06 CA tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Cục THA dân sự tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuân